

**BỘ VĂN HÓA THỂ THAO VÀ DU LỊCH    BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA HÀ NỘI**

**ĐOÀN TIẾN LỘC**

**NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN VĂN HÓA ĐỌC  
Ở CÁC TỈNH MIỀN NÚI PHÍA BẮC VIỆT NAM**

**Chuyên ngành: Khoa học Thông tin - Thư viện**  
**Mã số: 62320203**

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ THÔNG TIN - THƯ VIỆN**

**Hà Nội, 2017**

*Công trình được hoàn thành*

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch  
**Trường Đại học Văn hóa Hà Nội**

**Người hướng dẫn khoa học**  
**TS. Lê Văn Việt**  
**TS. Chu Ngọc Lâm**

**Phản biện 1: PGS.TS. Vũ Văn Nhật**  
Trường Đại học khoa học xã hội và nhân văn

**Phản biện 2: TS. Nguyễn Thế Dũng**  
Trường Đại học Văn hóa Tp Hồ Chí Minh

**Phản biện 3: PGS.TS. Nguyễn Thị Lan Thanh**  
Trường Đại học Văn hóa Hà Nội

*Luận án được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận án cấp Trường tại*

**Trường Đại học Văn hóa Hà Nội**

Số 418 - đường La Thành - quận Đống Đa - Tp Hà Nội

*Vào hồi.....giờ.....ngày.....tháng..... năm 2017*

**Có thể tìm hiểu luận án tại**

Thư viện Quốc gia Việt Nam  
Trung tâm Thông tin - Thư viện, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội

## Mở đầu

### 1. Lý do chọn đề tài

Văn hóa đọc là khái niệm mới xuất hiện ở nước ta thời gian gần đây. Nhưng cho đến nay vẫn còn nhiều quan niệm khác nhau về khái niệm này.

Từ khi chữ viết và văn bản xuất hiện việc đọc có vị trí quan trọng trong đời sống của con người, không chỉ ở nước ta mà còn ở nhiều nước khác. Đọc sách được coi là một trong những phương thức giúp con người thư giãn, giải trí, thỏa mãn nhu cầu tinh thần, hoàn thiện bản thân. Đó còn là kênh quan trọng của học tập suốt đời, giúp con người tích lũy kiến thức, biến thành sức mạnh cải tạo cuộc sống, nâng cao năng suất lao động, tăng cường khả năng cạnh tranh của bản thân, cộng đồng, đất nước mình với cá nhân, cộng đồng, đất nước khác...

Nhưng đánh giá văn hóa đọc không chỉ căn cứ vào việc xuất bản và phát hành sách mà phải căn cứ vào việc đọc sách. Hiện nay người Việt Nam dành bao nhiêu thời gian cho việc đọc sách, báo? Những sách, báo nào được quan tâm đọc nhiều nhất? Những điều đọc được trong sách, báo giúp ích gì cho con người trong cuộc sống hàng ngày?

Thực tế hiện nay ở nước ta, tại các thư viện công cộng (TVCC), thiết chế được xã hội giao cho nhiệm vụ là tổ chức sử dụng có tính chất sâu rộng sách, báo trong nhân dân, nhìn chung số lượng người vào sử dụng có xu hướng giảm dần. Có thư viện tỉnh trung bình mỗi ngày chỉ khoảng 30-40 lượt người đến đọc. Thực trạng người dân nước ta “ngại” đọc sách không chỉ phổ biến ở thành thị mà cả ở vùng nông thôn và miền núi.

### 2. Lịch sử nghiên cứu vấn đề

Văn hóa đọc thu hút được sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu trong nước cũng như trên thế giới.

*Về khái niệm và các thành tố cấu thành văn hóa đọc*

*Ở nước ngoài:* Nhiều tác phẩm đã đề cập đến vấn đề này như: Гринюк О.И. Парадоксы понимания термина “культура чтения (Nghịch lý của sự hiểu biết về thuật ngữ “văn hóa đọc”) [151]; Культура чтения - культура познания (văn hóa đọc - văn hóa nhận thức) [152] tác phẩm “Reading Cultures and Education” (Văn hóa đọc và giáo dục) William Johnson [147].

*Trong nước:* Công trình “Nghiên cứu thực trạng, đề xuất giải pháp duy trì và phát triển văn hóa đọc của người Việt Nam trong giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”(2007) [116] do tiến sĩ Nguyễn An Tiêm, Ban tuyên giáo Trung ương làm chủ nhiệm đề tài; “Phát triển văn hóa đọc trong thanh thiếu niên trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh” do thạc sĩ Võ Công Nam Trường Đại học Văn hóa thành phố Hồ Chí Minh làm chủ nhiệm đề tài (2011)[58]; “Nghiên cứu đánh giá nhu cầu đọc sách để định hướng việc xuất bản sách phục vụ bạn đọc góp phần phát triển văn hóa đọc tại các vùng miền núi nước ta” do tiến sĩ Đỗ Thị Kim Thịnh, Bộ Thông tin và

Truyền thông làm chủ nhiệm đề tài (2009) [94]; “*Văn hóa đọc của đồng bào dân tộc thiểu số khu vực đồng bằng sông Cửu Long, thực trạng và giải pháp*” do tiến sĩ Nguyễn Thế Dũng, Trường Đại học Văn hóa thành phố Hồ Chí Minh làm chủ nhiệm đề tài (2015) [25]; “*Giáo dục văn hóa đọc cho lứa tuổi nhi đồng ở Hà Nội*” do PGS. TS. Trần Thị Minh Nguyệt, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội làm chủ nhiệm đề tài (2015) [67]. Mỗi đề tài nêu trên đều đưa ra định nghĩa của mình về văn hóa đọc...

### **3. Giả thuyết nghiên cứu**

Văn hóa đọc của người dân vùng núi phía Bắc Việt Nam hiện còn thấp, một bộ phận khá lớn người dân miền núi phía Bắc Việt Nam chưa có nhu cầu đọc, thói quen đọc, kỹ năng đọc và điều kiện tiếp cận tới sách báo... Nếu các loại hình thư viện ở vùng này được phát triển về số lượng, cơ sở vật chất - kỹ thuật, kinh phí được tăng cường, biết phối hợp với các ngành, các cấp, các tổ chức, các đối tác khác để hình thành, phát triển nhu cầu đọc, thói quen, kỹ năng đọc ở người dân, mở rộng các sản phẩm và dịch vụ tới tận cơ sở thì văn hóa đọc sẽ phát triển mạnh ở vùng đất có tầm quan trọng đặc biệt này của quốc gia.

### **4. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

*Mục đích:* Đánh giá một cách khách quan, khoa học hiện trạng văn hóa đọc tại các tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam, làm rõ những mặt mạnh, mặt yếu và yếu tố đặc thù ảnh hưởng tới văn hóa đọc ở vùng này, từ đó đề xuất những giải pháp để phát triển văn hóa đọc trên địa bàn trong thời gian tới.

*Nhiệm vụ:* Để thực hiện được mục tiêu trên, đề tài tập trung giải quyết các nhiệm vụ sau:

Hệ thống hóa cơ sở lý luận về văn hóa đọc và phát triển văn hóa đọc, từng bước góp phần hoàn thiện và phát triển lý luận về vấn đề này. Đề xuất giải pháp phát triển văn hóa đọc.

### **5. Đối tượng nghiên cứu**

Phát triển văn hóa đọc của người dân các tỉnh miền núi.

### **6. Phạm vi nghiên cứu**

*Phạm vi không gian:* Các tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam (14 tỉnh), nhưng tác giả luận án chỉ tập trung khảo sát điều tra, nghiên cứu ở 6 tỉnh và các thư viện tỉnh, huyện: Bắc Kạn, Hà Giang, Hòa Bình, Lạng Sơn, Lai Châu, Yên Bái.

*Phạm vi thời gian:* Trong giai đoạn từ 2010 - 2015, giai đoạn các tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam được Nhà nước đầu tư lớn cho phát triển kinh tế - văn hóa xã hội, giáo dục, y tế và giao thông... đã có những kết quả bước đầu ảnh hưởng tích cực đến đời sống tinh thần của người dân. Hoạt động thư viện có những bước phát triển mới trong xây dựng cơ sở vật chất, các dự án về tin học hóa thư viện, đặc biệt chú trọng việc luân chuyển sách báo xuống cơ sở...

## 7. Phương pháp nghiên cứu

*Về phương pháp luận:* Nghiên cứu sinh sử dụng phương pháp luận duy vật biện chứng, duy vật lịch sử, nhận thức luận của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về văn hóa, giáo dục, thư viện... để xem xét, đánh giá về văn hóa đọc của người dân ở các tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam.

### *Phương pháp nghiên cứu*

Phương pháp nghiên cứu phân tích và tổng hợp tài liệu

Phương pháp điều tra xã hội học

Về mẫu phiếu khảo sát điều tra và phương pháp phát phiếu

Luận án xây dựng mẫu phiếu khảo sát điều tra theo 3 mẫu, với tổng số 1600 phiếu

#### *1. Mẫu phiếu số 1 có 26 nội dung câu hỏi:*

Thành thị 1000 phiếu: Tỷ lệ phản hồi ở thành thị là 750 phiếu/1000 phiếu đạt 75% (Tập trung chủ yếu vào thư viện 6 tỉnh: Hà Giang, Yên Bái, Lai Châu, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Hòa Bình)

Nông thôn 500 phiếu: Tỷ lệ phản hồi nông thôn, vùng sâu, vùng xa là 320 phiếu/500 phiếu đạt 64%, (mỗi tỉnh có 2 huyện; Hà Giang gồm các huyện: Đồng Văn, Bắc Mê; Yên Bái gồm các huyện: Bát Sắt, Than Uyên; Lai Châu gồm các huyện: Phong Thổ, Sìn Hồ; Bắc Kạn gồm các huyện: Ba Bể, Bạch Thông; Hòa Bình gồm các huyện: Mai Châu, Kỳ Sơn; Lạng Sơn gồm các huyện: Chi Lăng, Văn Quan), Bình quân 40 phiếu /huyện. Tổng số phiếu của mẫu số 1 thành thị và nông thôn thu về là 1070 phiếu.

Tất cả bảng hỏi có nhiều phương án lựa chọn trả lời tác giả luận án thống kê theo từng phương án trả lời của người dân thành thị và nông thôn.

#### *2. Mẫu phiếu số 2 có 11 nội dung câu hỏi:*

#### *3. Mẫu phiếu số 3 có 3 nội dung câu hỏi:*

\* Giới tính:

1. Nam 580 người /1070 tổng số người tham gia trả lời bảng hỏi chiếm 54,2%

2. Nữ 490 người /1070 tổng số người tham gia trả lời bảng hỏi chiếm 45,8 %

\* Thành phần DTTS sống ở thành thị và nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào DTTS và miền núi (*có phân chia theo hệ ngôn ngữ*)

\* Độ tuổi tham gia trả lời bảng hỏi: Thành thị và nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào DTTS và miền núi (*nhóm người cùng độ tuổi*)

\* Nghề nghiệp thành thị và nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào DTTS và miền núi

*Về mặt địa lý:* Trong đó có 2 tỉnh miền Tây Bắc (Hòa Bình, Lai Châu) 2 tỉnh vùng Đông Bắc (Lạng Sơn, Bắc Kạn), 2 tỉnh tiếp giáp hai vùng (Hà Giang, Yên Bái). Trong 6 tỉnh đó có 2 tỉnh mới tách Bắc Kạn, Lai Châu, điều kiện phát triển kinh tế gặp khó khăn về kinh tế, văn hóa, giáo dục (trong đó tỷ lệ mù chữ ở tỉnh Lai Châu cao nhất nước - ở độ tuổi từ 15 trở lên với 40% dân số)... Có 3 tỉnh khó khăn về giao thông (Hà Giang, Yên Bái, Lai Châu), 2 tỉnh có điều kiện thuận lợi hơn các tỉnh trên: Hòa Bình, Lạng Sơn.

*Phương pháp chọn mẫu:* Mẫu khảo sát được chọn theo nguyên tắc phân tầng không đồng nhất, người đọc là đối tượng và nhiều dân tộc thiểu số: Tày, Nùng, H'Mông, Thái, Mường..., người Kinh tại các thư viện: Bắc Kạn, Hòa Bình, Yên Bái, Lạng Sơn, ... trong đó có 1 số trường dân tộc nội trú cấp ba của tỉnh (Lạng Sơn, Hòa Bình, Yên Bái, Hà Giang).

*Phương pháp quan sát:* Nghiên cứu sinh tiến hành quan sát trực tiếp để thu thập thông tin từ người đọc tại thư viện tỉnh Lạng Sơn, Hòa Bình, Yên Bái, Bắc Kạn... mỗi thư viện nghiên cứu sinh đến từ 3-4 lần vào các thời điểm khác nhau để quan sát và lấy thông tin từ bạn đọc.

*Phương pháp thống kê:* Tác giả dùng phương pháp này để lập bảng thống kê các số liệu điều tra xã hội học về hiện trạng văn hóa đọc, các hoạt động hệ thống TVCC, cùng với số liệu báo cáo của các thư viện tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam gửi về Vụ Thư viện, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Thư viện Quốc gia Việt Nam.

## **8. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án**

*Ý nghĩa lý luận:* Bổ sung vào phần lí luận về định nghĩa, bản chất, vai trò của văn hóa đọc đối với sự phát triển cá nhân và xã hội, những yếu tố ảnh hưởng đến văn hóa đọc. Tổng kết bước đầu về mặt lý luận hoạt động nhằm phát triển văn hóa đọc của các loại hình thư viện ở khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam. Luận giải với những luận cứ khoa học điều kiện để phát triển văn hóa đọc tại các tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam.

*Ý nghĩa thực tiễn:* Luận án cung cấp những thông tin chính xác về thực trạng văn hóa đọc của người dân các tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam thông qua hoạt động của các loại hình thư viện ở đây, những nguyên nhân dẫn đến thực trạng đó đồng thời đề xuất những giải pháp có tính khả thi để phát triển văn hóa đọc ở vùng đất có tầm quan trọng của quốc gia.

## **9. Cấu trúc của luận án**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục các tài liệu tham khảo và phụ lục, luận án được chia thành 3 chương.

## Chương 1

Cơ sở lý luận về văn hóa đọc và vai trò của văn hóa đọc trong đời sống xã hội.

## Chương 2

Thực trạng văn hóa đọc và công tác phát triển văn hóa đọc ở các tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam.

## Chương 3

Giải pháp phát triển văn hóa đọc ở các tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam.

### Chương 1 CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ VĂN HÓA ĐỌC VÀ VAI TRÒ CỦA VĂN HÓA ĐỌC TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI

#### 1.1. Cơ sở lý luận về văn hóa đọc

##### 1.1.1. Khái niệm văn hóa đọc

###### 1.1.1.1. Văn hóa

Phân tích các quan điểm khác nhau về văn hóa, quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh, của GS.TS. Trần Văn Thêm và của UNESCO trong Tuyên ngôn của Hội nghị quốc tế về chính sách văn hóa do UNESCO tổ chức vào tháng 8 năm 1982 tại Mêhicô, tác giả luận án đưa ra quan niệm: Văn hoá là tổng hoà các giá trị mà con người sáng tạo ra trong suốt quá trình hoạt động thực tiễn lịch sử - xã hội của mình.

###### 1.1.2. Văn hóa đọc

Phân tích các quan điểm khác nhau trong và ngoài nước về văn hóa đọc, đồng thời tiếp cận việc đọc như một dạng hoạt động sáng tạo của con người, có bản chất văn hóa, tác giả luận án cho rằng *văn hóa đọc là tổng thể các năng lực của chủ thể hướng tới việc tiếp nhận và sử dụng thông tin trong tài liệu*. Như vậy mỗi cá nhân trong xã hội khi biết giải mã tài liệu đều có thể có văn hóa đọc ở một mức độ nhất định, tùy theo năng lực giải mã và tiếp nhận tài liệu của họ. Văn hóa đọc của mỗi cá nhân biểu hiện ra bên ngoài ở mức độ định hướng tới tài liệu, hiểu, đánh giá, vận dụng tri thức, thông tin trong tài liệu vào hoạt động thực tiễn. Nói cách khác, văn hóa đọc là đọc ở một trình độ nhất định.

###### 1.1.2. Các thành tố cơ bản của văn hóa đọc

Theo Từ điển Tiếng Việt do Hoàng Phê chủ biên [140, tr.330]. Đọc là sự tiếp nhận nội dung của tập hợp ký hiệu bằng cách nhìn vào các kí hiệu. Như vậy, người ta có thể đọc nhiều dạng ký hiệu khác nhau: Bản nhạc, bản vẽ, mật mã, phim X quang, đồ thị, bản thiết kế, chữ cái...

###### 1.1.3. Phát triển và phát triển văn hóa đọc

*Phát triển:* Phát triển, theo quan niệm triết học, là thuộc tính phổ biến của vật chất. Theo đó, mọi sự vật và hiện tượng của hiện thực không tồn tại trong trạng thái bất biến mà trải qua một loạt trạng thái từ khi xuất hiện đến lúc tiêu vong. Điều đó có nghĩa là bất kỳ một sự vật, một hiện tượng, một hệ thống nào, cũng như cả thế giới nói chung không đơn giản chỉ có biến đổi, luôn luôn chuyển sang trạng thái mới, tức là những trạng thái trước đây chưa từng có và không bao giờ lặp lại hoàn toàn những trạng thái trước đây đã có, bởi vì trạng thái của bất kỳ sự vật, hiện tượng nào cũng đều được quyết định không chỉ bởi các mối liên hệ bên trong mà cả những mối liên hệ bên ngoài [125, tr. 424].

*Phát triển văn hoá đọc:* Từ quan niệm trên về phát triển, tác giả luận án cho rằng *phát triển văn hóa đọc là một quá trình làm thay đổi văn hóa đọc từ trạng thái cũ sang trạng thái mới*, đó là sự biến đổi cả về chất và lượng của quá trình đọc của từng cá nhân, tập thể hay cộng đồng.

Văn hóa đọc của mỗi cá nhân có thể được hình thành từ rất sớm trong cuộc đời con người. Ở mỗi cá nhân, văn hóa đọc phát triển trên cơ sở sự thay đổi, phát triển các năng lực của cá nhân đó đối với việc đọc.

Thư viện tham gia vào phát triển văn hóa đọc cho cộng đồng xã hội với những ưu thế đặc biệt: Thư viện, đặc biệt các thư viện công cộng được tổ chức theo địa bàn cư trú của cư dân, hoạt động với phương châm tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho các tầng lớp nhân dân sử dụng tài liệu đã và đang thu hút được số lượng ngày càng đông người tới sử dụng thư viện hoặc tham gia các hoạt động do thư viện tổ chức; Với các hoạt động hướng dẫn đọc đa dạng, hiệu quả, thư viện góp phần hình thành và phát triển kỹ năng đọc, tiếp nhận và sử dụng thông tin; thái độ trân trọng với tài liệu của bạn đọc...

Như vậy, phát triển văn hóa đọc đối với thư viện là việc tạo ra những điều kiện thuận lợi để thu hút ngày càng nhiều người dân tới sử dụng các sản phẩm và dịch vụ của thư viện, để người dân ứng dụng có hiệu quả các thông tin nhận được vào công việc, cuộc sống. Phát triển văn hóa đọc của mỗi người hay của một cộng đồng chính là tạo những điều kiện thuận lợi để mỗi cá nhân hay cộng đồng đó có thể nâng cao năng lực đọc, hiểu và vận dụng tri thức đã đọc vào cuộc sống.

#### *1.1.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển văn hóa đọc*

Văn hóa đọc chịu ảnh hưởng bởi rất nhiều yếu tố.

##### *1.1.4.1. Yếu tố khách quan*

*Yếu tố chính trị:* Văn hóa nói chung và văn hóa đọc nói riêng là những lĩnh vực của đời sống xã hội, do đó luôn bị chính trị tác động, chi phối. Phân tích sự tác động của chính trị đối với văn hóa đọc trong hai hướng: tích cực hay tiêu cực.

*Yếu tố kinh tế:* Yếu tố kinh tế tác động rất lớn đến bất kỳ hiện tượng, hoạt động xã hội nào, trong đó có văn hóa đọc. Phân tích sự tác động này đối với văn hóa đọc theo hai hướng: trực tiếp và gián tiếp.



*Yếu tố văn hóa - xã hội:* Yếu tố văn hóa - xã hội có ảnh hưởng lớn tới văn hóa đọc. Văn hóa đọc ở mỗi giai đoạn, mỗi thời kỳ lịch sử lại có những biểu hiện khác nhau. Phân tích một số yếu tố văn hóa - xã hội ảnh hưởng đến văn hóa đọc như đường hướng phát triển của đất nước, ngành; Phong tục tập quán; Cơ cấu dân tộc, dân cư.

*Tiến bộ khoa học - kỹ thuật:* Phân tích một số tiến bộ của khoa học, công nghệ ảnh hưởng tích cực hay vừa tích cực vừa tiêu cực đến văn hóa đọc.

*Giáo dục:* Phân tích giáo dục trong nhà trường và giáo dục tại gia đình ảnh hưởng thế nào tới văn hóa đọc của mỗi người.

*Thư viện:* Phân tích những yếu tố, hoạt động của thư viện có sự tác động mạnh mẽ đến văn hóa đọc. Đồng thời luận án cũng trình bày những thiết chế văn hóa khác như cơ quan Xuất bản và phát hành sách, các phương tiện thông tin đại chúng ảnh hưởng thế nào tới văn hóa đọc.

#### *1.1.4.2. Yếu tố chủ quan*

Phân tích các yếu tố như nghề nghiệp, lứa tuổi, trình độ văn hóa, giới tính có tác động như thế nào tới văn hóa đọc của mỗi cá nhân.

### **1.2. Vai trò của văn hóa đọc trong đời sống xã hội**

#### *1.2.1. Làm phong phú đời sống tinh thần của người đọc*

Phân tích vai trò này của văn hóa đọc trên các phương diện: là phương cách để hoàn thiện nhân cách con người, để tiến bộ trong cuộc sống cá nhân và cuộc sống xã hội; giúp tăng cường khả năng giao tiếp; giúp rèn luyện năng lực tưởng tượng, liên tưởng, phân tích, sáng tạo; giúp rèn luyện năng lực ngôn ngữ, kỹ năng viết tốt hơn và là cách giải trí tích cực.

#### *1.2.2. Đọc sách giúp làm giàu kiến thức*

Đọc sách sẽ giúp ta tích lũy nhiều kinh nghiệm, mở mang kiến thức trong mọi lĩnh vực: khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, tăng cường khả năng tư duy, giúp ta tìm ra giá trị bản thân và chấp cánh cho những ước mơ, sáng tạo...

#### *1.2.3. Đọc sách giúp hoàn thiện từng cá nhân, phát triển xã hội*

Trên bình diện xã hội, văn hóa đọc ngoài việc góp phần nâng cao dân trí; góp phần xây dựng xã hội học tập, xóa đói giảm nghèo, còn thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Đọc sách như một phương tiện gây ảnh hưởng đến cuộc sống, giúp biến đổi con người, biến đổi tự nhiên, biến đổi xã hội, phục vụ cho công cuộc xây dựng đất nước ngày càng phồn vinh.

### **1.3. Các tiêu chí đánh giá văn hóa đọc và phát triển văn hóa đọc**

Tác giả luận án đã tham khảo một số tài liệu và chọn ra 7 chỉ số dưới đây, phù hợp nhất để nhận xét, đánh giá văn hóa đọc và công tác phát triển văn hóa đọc ở các tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam.

### **Tiêu chí đánh giá văn hóa đọc**

Đánh giá VHD của người đọc được xem xét ở 3 khía cạnh: Năng lực định hướng của chủ thể tới đối tượng đọc; Năng lực, trình độ lĩnh hội thông tin trong tài liệu và thái độ ứng xử của người đọc với đối tượng đọc (tình cảm, hành vi văn hóa).

### **Tiêu chí đánh giá phát triển văn hóa đọc**

*Tiêu chí 1:* Khả năng tiếp cận thư viện của người dân: Thư viện có cách xa nơi ở, nơi làm việc, nơi học tập của người dân; Thư viện có những quy định tạo điều kiện cho người dân sử dụng các sản phẩm và dịch vụ của thư viện như thế nào. Các sản phẩm và dịch vụ của thư viện có thu phí hay không thu phí...

*Tiêu chí 2:* Mức độ đáp ứng của vốn tài liệu với yêu cầu của người dân: Tổng số vốn tài liệu có trong thư viện và tính cập nhật trong việc bổ sung vốn tài liệu có đáp ứng nhu cầu đọc của người dân. Số tài liệu tính cho mỗi đầu người dân, số lượng tài liệu bằng tiếng các dân tộc ở địa phương. Số lượng tài liệu phân theo lĩnh vực và theo từng loại ngôn ngữ của địa phương.

*Tiêu chí 3:* Bạn đọc và Lượt bạn đọc: Tổng số bạn đọc của thư viện và phân theo dân tộc, trình độ học vấn, tổng số lượt người sử dụng các dịch vụ thư viện trên tổng số dân, tính theo từng dân tộc và tính trên đầu người

*Tiêu chí 4:* Lượt sử dụng thư viện, trong đó phân ra: Lượt mượn tài liệu của thư viện (cả trong và ngoài thư viện) tính theo đầu người của cộng đồng dân cư nói chung và từng dân tộc trong cộng đồng; Lượt người tham gia các hoạt động do thư viện tổ chức (Triển lãm sách, nói chuyện chuyên đề, thi kể sách...)

*Tiêu chí 5:* Các sản phẩm, dịch vụ của tài liệu: Tổng số các sản phẩm và dịch vụ do thư viện tổ chức. Mức độ phù hợp và hiệu quả (số người tham gia/sử dụng) của từng sản phẩm và dịch vụ đối với các nhóm bạn đọc, trong đó có các nhóm dân tộc; Các hoạt động hình thành phát triển thói quen đọc, kỹ năng đọc, kỹ thuật đọc của người dân.

*Tiêu chí 6:* Vai trò của chính quyền địa phương và các ngành liên quan đối với hoạt động thư viện: Mức độ tham gia của chính quyền vào việc đề ra chủ trương, chính sách, đầu tư về cơ sở vật chất – kỹ thuật, vốn tài liệu, nhân sự) và quản lý (kiểm tra, thanh tra...) thư viện trên địa bàn.

*Tiêu chí 7:* Tiện nghi và văn hóa phục vụ bạn đọc của thư viện: Diện tích nhà, trang thiết bị, tổ chức không gian, các quy định của thư viện dành cho người dân trong sử dụng thư viện; Số lượng nhân sự, trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, tin học; kỹ năng mềm trong giao tiếp, phục vụ bạn đọc; Sự hài lòng của bạn đọc đối với thủ thư và thư viện

## **1.4. Đặc điểm địa lý, kinh tế, văn hóa, xã hội của các tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam**

### *1.4.1. Đặc điểm địa lý*

Trình bày vị trí địa lý, địa hình; dân số; mật độ dân số của 14 tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam.

*Điều kiện tự nhiên:* Phân tích điều kiện tự nhiên của vùng cho thấy với sự đa dạng về địa hình, đồng bằng nhỏ, hẹp, độ cao và dốc cùng với khí hậu thay đổi thường xuyên và chịu tác động trực tiếp của gió mùa cũng như bão, lũ đã tác động không nhỏ đến sinh kế của người dân và phát triển kinh tế của vùng, cũng như đời sống văn hóa thường ngày của các đồng bào dân tộc thiểu số.

#### 1.4.2. Đặc điểm kinh tế

Trung du và miền núi Bắc Bộ có tài nguyên thiên nhiên đa dạng, có khả năng đa dạng hóa cơ cấu kinh tế, với thế mạnh về công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản, thủy điện, nền nông nghiệp nhiệt đới có cả những sản phẩm cận nhiệt và ôn đới, phát triển tổng hợp kinh tế nông nghiệp và du lịch. Những năm gần đây, điều kiện giao thông liên lạc của vùng đã được cải thiện khá nhiều; việc ứng dụng khoa học công nghệ và tiến bộ khoa học kỹ thuật phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn đã đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ; Cơ cấu kinh tế cũng có sự thay đổi theo hướng tăng tỷ trọng các ngành: dịch vụ, thương mại, du lịch, công nghiệp; tỷ trọng ngành nông, lâm nghiệp giảm (nhưng bình quân các tỉnh thuộc vùng vẫn chiếm trên 50%)...

#### 1.4.3. Đặc điểm văn hóa

Trình bày đặc trưng văn hóa của cả vùng cũng như đặc trưng văn hóa của từng tiểu vùng: Tây Bắc, Đông Bắc.

#### 1.4.4. Đặc điểm xã hội

Đời sống vật chất, tinh thần đồng bào các dân tộc được cải thiện, nhiều vùng đồng bào đã thoát cảnh đói lưu cữu trước đây, tình trạng du canh du cư của đồng bào một số vùng nay đã từng bước ổn định, nhiều hộ đồng bào đã trở nên giàu có...Giáo dục, đào tạo đạt nhiều tiến bộ. Đồng thời, mức hưởng thụ văn hóa, trong đó có văn hóa đọc của đồng bào dân tộc hiện nay đã được cải thiện so với trước rất nhiều. Tuy nhiên, nhiều dân tộc ở đây chưa có chữ viết riêng, một bộ phận đáng kể người dân, chủ yếu là phụ nữ và trẻ em ở vùng sâu, vùng xa, nơi heo hút lưng chừng núi không biết hoặc biết rất kém tiếng Việt. Những điều này sẽ ảnh hưởng tới văn hóa đọc của bộ phận không nhỏ dân cư miền núi phía Bắc.

### Tiểu kết

Đọc là một hoạt động tinh thần của con người. Mặc dù có khá nhiều quan điểm khác nhau về văn hóa đọc nhưng tựu trung lại văn hóa đọc đều được nhìn nhận ở thái độ với việc đọc và trình độ giải mã văn bản của chủ thể tiến hành việc đọc. Trên cơ sở kế thừa và phát triển quan điểm của những người đi trước luận án cho rằng ***Văn hóa đọc là hoạt động đọc ở một trình độ nhất định*** hay nói cách khác ***văn hóa đọc là tổng thể các năng lực của chủ thể hướng tới việc tiếp nhận và sử dụng thông tin trong tài liệu.***

## Chương 2

### THỰC TRẠNG VĂN HÓA ĐỌC VÀ CÔNG TÁC PHÁT TRIỂN VĂN HÓA ĐỌC Ở CÁC TỈNH MIỀN NÚI PHÍA BẮC VIỆT NAM

#### 2.1. Thực trạng văn hóa đọc ở các tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam

*2.1.1. Năng lực định hướng tới tài liệu đọc của người dân các tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam*

##### *2.1.1.1. Nhu cầu và hứng thú đọc*

*Nhu cầu đọc:* Mặc dù có đời sống vật chất và tinh thần còn nhiều khó khăn, với sự quan tâm của các cấp chính quyền cũng như sự phát triển các yếu tố hỗ trợ cho việc đọc, việc đọc sách đã được người dân quan tâm. Kết quả khảo sát cho thấy nhu cầu đọc đã bắt đầu hình thành nhưng chưa phải chiếm ưu thế so với các hoạt động khác trong thời gian rảnh. Hoạt động đọc sách chiếm vị trí thứ 4 trong số các hoạt động trong giờ rảnh rỗi, sau các hoạt động xem tivi; giúp đỡ gia đình, truy cập internet. Luận án cũng đưa ra những số liệu điều tra xã hội học chứng minh rằng do điều kiện sống giữa vùng thành thị và nông thôn ở vùng núi còn có sự chênh lệch lớn, các nhu cầu tinh thần, đặc biệt nhu cầu đọc của cư dân hai vùng có sự khác biệt rất rõ nét.

Về thời gian đọc trong một ngày, có 16,7% cư dân thành thị cho biết họ đã dành thời gian để đọc sách báo hàng ngày từ 2-3 giờ trở lên, chỉ có 14% là đọc sách từ 3-4 giờ, còn đọc 1-2 giờ là 28% và 41,3% người đọc sách dưới 1 giờ hàng ngày. Trong khi đó, đối với người dân nông thôn, vùng sâu, vùng xa thì mỗi ngày đọc sách dưới 1 giờ là sự lựa chọn của số đông nhất 30,6%; xếp sau là đọc 1 - 2 giờ 22,5%. Chỉ có 3,1% người dân nông thôn, vùng sâu, vùng xa trả lời đọc sách từ 3 - 4 giờ ngày. Kết quả này cũng phù hợp với điều kiện sống, lao động hiện nay ở nông thôn miền núi phía Bắc nước ta.

Luận án cũng phát hiện ra rằng nhu cầu đọc của người dân có sự khác biệt theo lứa tuổi. Nếu xét theo lứa tuổi thì người dân thành thị và nông thôn trong các lứa tuổi từ 16 - 40 là tham gia tích cực nhất vào các hoạt động tự học, sinh hoạt cộng đồng, du lịch, tham quan, Game, Internet. Đọc sách cũng là hoạt động được lứa tuổi này ưu tiên hơn so với các lứa tuổi khác. Có sự chênh lệch rõ nét trong nhu cầu đọc theo thành phần dân tộc: Nhu cầu đọc của cư dân các dân tộc ít thiểu số thấp hơn so với người kinh sinh sống trên cùng một địa bàn.

Xét theo đặc điểm nghề nghiệp, nhóm công chức, viên chức có tỷ lệ tham gia đọc sách cao hơn so với các nhóm khác; thứ đến là nhóm học sinh, sinh viên. Nhóm Nông dân, lao động tự do chiếm vị trí cuối cùng. ... Ở cả khu vực thành thị và nông thôn, nhóm học sinh, sinh viên luôn dẫn đầu trong dành thời gian hàng ngày cho việc đọc. Xếp vị trí thứ hai là nhóm công chức, viên chức. Nhóm nông dân, lao động tự do chiếm vị trí cuối cùng.

*Nhu cầu về loại hình tài liệu:* Người dân miền núi phía Bắc Việt Nam có xu hướng đọc tài liệu truyền thống. Nhu cầu đọc tài liệu in đứng vị trí thứ nhất cả ở thành

thị lẫn nông thôn (chiếm 53,3% và 42,8%); vị trí thứ hai là tranh ảnh hình vẽ 36% và 30%; thứ ba thông tin trên mạng: ở thành thị - 25,3 % còn nông thôn 3,7%; vị trí thứ tư là báo và tạp chí với 21,3% và 11,8%; thứ năm tài liệu nghe nhìn... Như vậy, nguồn tài liệu in vẫn được người dân vùng núi yêu thích sử dụng... Nhu cầu tài liệu nghe nhìn hay dạng tài liệu khác chiếm vị trí cuối trong các loại tài liệu của người dân miền núi phía Bắc Việt Nam.

Thông tin trên mạng với người dân vùng sâu, vùng xa rất hạn chế vì cơ sở hạ tầng chưa đồng bộ, kinh tế chưa phát triển nên khó có cơ hội tiếp cận loại hình tài liệu này. Nếu so với người dân thành thị, tỷ lệ người dân nông thôn tiếp cận tới Internet chỉ bằng 1/3 (12% và 3,7%).

Luận án cũng đưa ra những số liệu về những khác biệt trong nhu cầu về loại hình tài liệu giữa các nhóm ở các dân tộc khác nhau, nghề nghiệp, lứa tuổi.

Về mức độ sử dụng Internet, kết quả điều tra xã hội học cho thấy có 26,7% người dân thành thị và 6,6% người dân nông thôn có sử dụng Internet, mức độ chênh lệch lên đến hơn 10 lần. Hiện trạng đó có thể là do Internet chưa tới được nhiều vùng cao hoặc các điểm Bưu điện – Văn hóa xã còn yếu chưa thu hút được đông người tới sử dụng; Cũng có thể do người dân chưa có điều kiện lắp đặt mạng, mua thiết bị khai thác mạng v.v.; Bên cạnh đó theo lĩnh vực nghề nghiệp thì nhóm cán bộ công chức, viên chức đứng đầu, tiếp theo là học sinh sinh viên, lao động tự do. Theo thành phần dân tộc thì đứng đầu là người Kinh, tiếp theo nhóm dân tộc Tày-Thái-Nùng, vị trí thứ ba - dân tộc Mường, sau cùng dân tộc H'Mông-Đao và các dân tộc khác.

Nhu cầu về ngôn ngữ tài liệu, kết quả khảo sát cho thấy nhu cầu đọc của người dân cả ở thành thị lẫn nông thôn thuộc vùng núi phía Bắc Việt Nam, tài liệu bằng tiếng Việt chiếm tỷ lệ tuyệt đối 100%, tiếp theo tiếng Tày 14, 9 % ở thành thị và 17,8% ở nông thôn, tiếng Thái xếp vị trí thứ hai với 14,5% và 16,3%, tiếng Mường 14,3% và 12,2%, tiếng H'Mông xếp vị trí thứ tư với 12,1% và 7,8%, rồi đến tiếng Nùng 13,7% và 14,7%; tiếng Đao 12,9% và 10,9%. Trong số nhu cầu về tài liệu nước ngoài, nhu cầu về tài liệu bằng tiếng Anh cao nhất nhưng cũng chỉ chiếm tỷ lệ khiêm tốn với 4,9% và 0,6%. Nhu cầu về tài liệu bằng tiếng Nga, tiếng Trung, tiếng Pháp chủ yếu xuất hiện ở thành thị và cũng rất ít (với tỷ lệ tương ứng là 4%, 2 %, 1,6%), ở vùng nông thôn hầu như không có.

Về hứng thú đọc, người dân ở thành thị và nông thôn có sự khác biệt do những vấn đề được họ quan tâm trong đời sống khác nhau. Người dân thành thị có xu hướng thích đọc những tài liệu về pháp luật, chính trị. Kết quả khảo sát cho thấy người dân thành phố quan tâm nhiều nhất đến sách pháp luật (68,8%), tiếp theo là sách chính trị - xã hội 64%. Sách khoa học - kỹ thuật 59,7% và lịch sử 59,2%. Sách văn học 47,6%, đứng vị trí thứ sáu... Người dân nông thôn quan tâm đến những tài liệu liên quan trực tiếp đến hoạt động sống cơ bản của họ. Tài liệu về nông nghiệp được chú ý nhất với 66,5%. Chủ đề quan tâm nhiều thứ hai là lịch sử. Sách về KHKT, về pháp luật được quan tâm nhiều thứ ba và thứ tư với cùng chỉ số 31,5%. Điều đặc biệt thú vị là người dân nơi đây thích đọc chuyện cổ tích với 27,1% số người trả lời.

Về nội dung được quan tâm khi sử dụng tài liệu qua mạng, có thể nhận thấy khá rõ sự khác biệt giữa thành thị và nông thôn. Đối với người dân thành thị vị trí thứ nhất thuộc về trả lời là hàng ngày thường đọc tin tức thời sự trên mạng, với 77,1% số người trả lời; thứ hai là Văn hóa, thể thao 62,5%; xếp vị trí thứ ba kinh tế xã hội với 61,2 %; vị trí thứ tư sản xuất nông nghiệp 48,8%. Đề tài về văn học - nghệ thuật có vị trí thứ năm với 46,8%, cuối cùng là các nội dung khác 13,3%.

Người dân nông thôn lại đọc nhiều nhất tài liệu về nông nghiệp với 17,5%. Vị trí thứ hai thuộc về đọc tin tức, thời sự với 9,3%. Cũng giống như người dân thành thị, người dân nông thôn đọc tài liệu về văn hóa nghệ thuật xếp thứ ba với 8,4%; văn hóa, thể thao, chiếm vị trí thứ tư với 6,5%, vị trí thứ năm kinh tế xã hội 6,2%...

Luận án dẫn các kết quả khảo sát cho thấy hứng thú đọc của các nhóm lứa tuổi khác nhau cũng như môi trường sống khác nhau cũng khác nhau và hứng thú đọc của các nhóm dân tộc khác nhau cũng có sự phân hoá rõ rệt.

Về mục đích đọc, kết quả khảo sát của tác giả luận án cho thấy: Đọc sách để nâng cao hiểu biết là mục đích chủ yếu của người dân vùng núi phía Bắc Việt Nam. Về độ tuổi thì 100% trong độ tuổi từ 10 đến trên 50 cả ở thành thị và nông thôn là lựa chọn để mục đích đọc sách, báo hiểu biết thêm; còn đọc sách, báo giúp cho việc học tập được xếp thứ hai cả ở thành phố (75,8%) lẫn ở nông thôn (72,1%). Đọc vì mục đích giải trí xếp ở vị trí cuối cùng trong bảng cả thành thị và nông thôn là 56,8% và 25%...

#### *2.1.1.2. Khả năng tìm kiếm và lựa chọn tài liệu*

*Tìm tài liệu: Tự mua sách.* Người dân miền núi mặc dù muốn đọc sách nhưng do điều kiện kinh tế hạn chế nên không có thói quen mua sách thường xuyên để đọc. Kết quả khảo sát cho thấy số người dân cả thành thị và nông thôn không mua cuốn sách, báo nào có tỷ lệ cao nhất, chỉ có 16,4% người dân thành thị và 7,8% người dân nông thôn thường xuyên mua sách báo để đọc.

Theo số liệu thống kê ở thì những người dân thuộc các lứa tuổi từ 16 - 40 mua sách riêng nhiều hơn các nhóm tuổi khác. Theo thành phần dân tộc thì nhóm người Kinh mua sách khá thường xuyên. Nhóm dân tộc Tày -Thái- Nùng xếp vị trí thứ hai...

Xét theo nghề nghiệp, ở cả khu vực thành thị và nông thôn, nhóm công chức, viên chức vẫn chiếm vị trí thứ nhất. Xếp vị trí thứ hai trong mua sách là nhóm học sinh, sinh viên. Nhóm nông dân, lao động tự do chiếm vị trí cuối cùng.

Đọc sách tại thư viện, số người dân miền núi phía Bắc Việt Nam sử dụng thư viện để đọc sách còn hạn chế. Số liệu điều tra cho thấy, tỷ lệ cư dân đã sử dụng thư viện ở thành thị là 31,5%, nông thôn 21,2% . Có sự khác biệt khá lớn giữa người Kinh và các dân tộc thiểu số: nhóm người Kinh có tỷ lệ đến TV cao nhất 88,2%, tiếp đến nhóm Tày-Thái-Nùng 27,9%; nhóm DT Mường 15,8%; nhóm DT H'Mông -Đao 11,3%. Luận án cũng đưa ra các số liệu về mức độ sử dụng thư viện theo lứa tuổi, theo nghề nghiệp ...Luận án cũng nghiên cứu khả năng tìm kiếm thông tin trong thư viện của người dân ở thành thị, nông thôn, theo lứa tuổi, theo nghề nghiệp...

*Lựa chọn sách đọc* : Có 85,7% người lựa chọn tài liệu đọc dựa vào nội dung hấp dẫn; 62,7% lựa chọn tài liệu đọc dựa vào nhan đề; 20% lựa chọn tài liệu đọc dựa vào tác giả của tài liệu. 16,8% lựa chọn tài liệu đọc một cách ngẫu nhiên, tình cờ. Chỉ có 3,3% người dân chọn mua sách vì bìa đẹp, độc đáo. Luận án cũng đưa ra số liệu về lý do chọn sách của người dân theo lứa tuổi, nghề nghiệp...

### 2.1.2. Năng lực lĩnh hội tài liệu

#### 2.1.2.1. Phương pháp đọc

Kết quả khảo sát cho thấy đa số người dân miền núi phía Bắc Việt Nam (cả thành thị và nông thôn) sử dụng phương pháp đọc chậm, đọc có suy nghĩ (60% thành thị và 21% nông thôn). Nếu xét theo nơi cư trú thì ở khu vực thành thị, đọc có trọng điểm chiếm 33,5% chiếm vị trí thứ hai. Đọc lướt, đọc nhanh được người dân thành thị ít sử dụng hơn, chỉ 20,9% và 19,5%. Người dân nông thôn vị trí thứ hai là đọc nhanh 9,9%; đọc có trọng điểm xếp thứ ba đọc chiếm 5,9%; đọc lướt xếp vị trí cuối cùng 3,9%. Cách đọc này cũng phù hợp với người dân nông thôn, nơi có ít người có trình độ chuyên môn cao... Luận án cũng trình bày phương pháp đọc của từng nhóm dân tộc, theo nghề nghiệp, lứa tuổi.

Về việc ghi lại những điều đã đọc được trong sách báo, chỉ có 18,8% số người dân thành thị 6,2% số người dân nông thôn trả lời có thói quen ghi lại những nội dung, cảm xúc, đánh giá, nhận xét của mình khi đọc một quyển sách hay hoặc bổ ích. Tuy nhiên, có tới 29,2% tổng số người ở thành thị và 25% số người ở nông thôn trả lời “đôi khi”, còn số người không bao giờ ghi chép khi đọc chiếm tỷ lệ người đông nhất với 52% ở thành thị 68,8% ở nông thôn. Trong luận án cũng có những số liệu về ghi chép khi đọc của từng nhóm dân tộc, theo nghề nghiệp, lứa tuổi.

#### 2.1.2.2. Kỹ năng đọc

*Hiểu và nhớ tài liệu*: Cư dân thành thị có khả năng hiểu và nhớ tài liệu cao hơn: 90% người đọc thành thị và 43,1% bạn đọc nông thôn cho rằng họ nhớ nội dung chính của quyển sách sau mỗi lần đọc. Nếu xét theo lứa tuổi, ở thành thị, các lứa tuổi đều nhớ nội dung chính, rồi mới đến nhớ tên sách, tên tác giả. Ở khu vực nông thôn, trong khi các lứa tuổi từ 10 - 15; 21 - 30-41 trở lên lại nhớ nhất nội dung chính thì lứa tuổi 16 - 20 và 31 - 40 lại nhớ nhất tên sách. Hầu hết các nhóm đều xếp nhớ tên sách ở vị trí thứ ba. Trong luận án cũng có những số liệu về hiểu và nhớ khi đọc của từng nhóm dân tộc, theo nghề nghiệp.

*Về vận dụng kiến thức đã đọc vào thực tiễn*, kết quả điều tra cho thấy có 76,2% người dân ở thành thị và 65,6% ở nông thôn cho rằng họ đã vận dụng được tri thức đã đọc vào đời sống. Số người đánh giá đôi khi vận dụng hoặc không vận dụng được chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ. Trong luận án cũng có những số liệu về vận dụng kiến thức đã đọc vào thực tiễn của từng nhóm dân tộc, theo nghề nghiệp, lứa tuổi.

### 2.1.3. Ứng xử với tài liệu

Nhìn chung người dân miền núi phía Bắc Việt Nam có ý thức trân trọng sách. 75,6% người dân thành thị và 47,7% người dân nông thôn trả lời “giữ gìn cẩn thận”. Xếp vị trí thứ hai là câu trả lời “gấp trang để đánh dấu với 14,3% tổng số người dân thành thị và 38,8% người dân nông thôn lựa chọn. 10,1% người dân thành thị, 8,5% người dân nông thôn “cuộn sách lại” khi đọc. Một bộ phận dân cư thành thị (4,2%) và nông thôn (3,2%) còn để mất sách. Một bộ phận rất nhỏ bạn đọc nông thôn vẫn còn cắt xé trang sách (1,8%); viết vẽ vào sách 1,6%). Trong luận án cũng có những số liệu về ứng xử với tài liệu của từng nhóm dân tộc, theo nghề nghiệp, lứa tuổi.

## **2.2. Thực trạng công tác phát triển văn hóa đọc ở các tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam**

### *2.2.1. Thư viện công cộng với phát triển văn hóa đọc*

#### *2.2.1.1. Tổ chức mạng lưới thư viện*

Thư viện cấp tỉnh đã được thành lập ở tất cả các tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam.

Thư viện cấp huyện, mặc dù đã được thành lập từ lâu nhưng vẫn tiếp tục phát triển do thành lập các đơn vị hành chính cấp huyện mới, do một số địa phương vẫn còn 1 – 2 đơn vị cấp huyện chưa có thư viện (tổng cộng còn khoảng 10 đơn vị cấp huyện ở 14 tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam chưa có thư viện cấp huyện). Thư viện, phòng đọc sách cơ sở đã được xây dựng ở các tỉnh miền núi phía Bắc từ những năm 1960 và hiện đã có ở ½ tổng số đơn vị cơ sở (cấp thôn, bản) ở vùng này.

Các thư viện tủ sách đồn biên phòng, điểm bưu điện văn hóa xã, tủ sách pháp luật cũng đã được thành lập ở hầu hết các xã vùng miền núi phía Bắc Việt Nam.

Số lượng thư viện tư nhân ở miền núi phía Bắc Việt Nam ít (17 thư viện) và phần lớn mới được thành lập gần đây...

#### *2.2.1.2 Công tác phát triển văn hóa đọc trong các thư viện công cộng*

##### *Công tác phát triển văn hóa đọc của thư viện cấp tỉnh*

###### *Phục vụ tại thư viện*

Các thư viện tỉnh tổ chức nhiều hình thức phục vụ bạn đọc với các lứa tuổi khác nhau: đọc, mượn cho người lớn, trẻ em, một số thư viện có phục vụ người khiếm thị; nhiều phòng đọc, mượn tổ chức theo hình thức tự chọn. Số lượng người đọc tăng hàng năm. Bình quân mỗi năm, các thư viện tỉnh thu hút được hơn 1.000.000 lượt người tới sử dụng.

Các thư viện tỉnh đều tiến hành thường xuyên việc luân chuyển sách xuống cơ sở (mỗi năm 2 - 4 lượt), đặc biệt là Thư viện tỉnh Yên Bái với xe ô tô chuyên dụng cho mục đích này.

Các thư viện cấp tỉnh hàng năm đều tiến hành nhiều hoạt động tuyên truyền, giới thiệu sách; triển lãm, thi đọc, kể chuyện sách, biên soạn thư mục sách mới; Một số thư viện kết hợp với đài PT & TH tỉnh tuyên truyền trên đài, tivi; viết bài giới thiệu



sách trên website thư viện. Các thư viện tỉnh đều biên soạn các sản phẩm thông tin – thư mục, trong đó có những sản phẩm về địa chí.

Các thư viện cấp huyện, thư viện, phòng đọc sách cơ sở; thư viện, tủ sách đồn biên phòng, điểm bưu điện – văn hóa xã; tủ sách pháp luật, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng cũng đã tiến hành nhiều hoạt động nhằm phát triển văn hóa đọc ở từng địa phương.

Luận án cũng đã trình bày khá chi tiết về cơ sở vật chất (trụ sở, vốn tài liệu), nhân lực, kinh phí của thư viện tỉnh, thư viện huyện, thư viện, tủ sách đồn biên phòng, điểm Bưu điện - Văn hóa xã; tủ sách pháp luật, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng, những yếu tố giúp các thư viện phát triển văn hóa đọc.

### 2.2.2. Thư viện trường học với phát triển văn hóa đọc

#### 2.2.2.1. Tổ chức thư viện trường học

Tại các xã của vùng cao đều có hệ thống trường mầm non, tiểu học và Trung học phổ thông cơ sở. Một số xã trung tâm cụm có hệ thống trường cấp ba. Trong đó trường phổ thông cơ sở và trường cấp ba có nhiều học sinh nội trú và bán trú. Bình quân ở mỗi xã vùng cao có hàng trăm học sinh nội trú và bán trú. Các em học tập và nghỉ ngay tại trường. Trường học cũng trở thành điểm sinh hoạt văn hóa của các em. Các trường phải có nhiệm vụ thành lập thư viện trực thuộc.

(1) Năm học 2012 – 2013: Tổng số thư viện: 1.425, trong đó số TV cấp tiểu học là 748, trung học cơ sở 554, trung học phổ thông 123.

*Bảng số 20. Số lượng thư viện và nhân viên thư viện năm học 2012 - 2013*

Số TT	Số lượng thư viện			Tổng số cán bộ thư viện		
	Tiểu học	THCS	THPT	Tổng số	Biên chế	Hợp đồng
Bắc Kạn	68	42	11	<b>64</b>	56	8
Hà Giang	172	122	22	<b>372</b>	368	4
Hòa Bình	193	178	34	<b>317</b>	168	149
Lai Châu	25	28	13	<b>197</b>	196	1
Lạng Sơn	189	85	25	<b>374</b>	365	9
Yên Bái	101	99	18	<b>111</b>	71	40
<b>Tổng</b>	<b>748</b>	<b>554</b>	<b>123</b>	<b>1.435</b>	<b>1.224</b>	<b>211</b>
<b>Tổng số TV của 3 cấp 1.425</b>				<b>Tổng số CB TV của 3 cấp 1.435</b>		

## (2) Năm học 2013 - 2014

Tổng số thư viện: 1.560, trong đó: số TV cấp tiểu học là 771, trung học cơ sở 665, trung học phổ thông 124.

Bảng số 21: Số lượng thư viện và nhân viên thư viện năm học 2013 - 2014

Số TT	Số lượng thư viện			Số cán bộ thư viện		
	Tiểu học	THCS	THPT	Tổng số	Biên chế	Hợp đồng
Bắc Kạn	75	45	9	<b>87</b>	82	5
Hà Giang	150	126	23	<b>341</b>	337	4
Hòa Bình	195	189	34	<b>277</b>	225	52
Lai Châu	54	56	13	<b>225</b>	214	11
Lạng Sơn	196	151	25	<b>407</b>	399	8
Yên Bái	101	98	20	<b>109</b>	74	35
<b>Tổng</b>	<b>771</b>	<b>665</b>	<b>124</b>	<b>1.446</b>	<b>1.331</b>	<b>115</b>
<b>Tổng số TV của 3 cấp 1.560</b>				<b>Tổng số CB TV của 3 cấp 1.446</b>		

## (3) Năm học 2014 - 2015

Tổng số thư viện 1.652, trong đó số TV cấp tiểu học là 813, trung học cơ sở 702, trung học phổ thông 137.

Bảng số 22: Số lượng thư viện và nhân viên thư viện năm học 2014 - 2015

Số TT	Số lượng thư viện			Số cán bộ thư viện		
	Tiểu học	THCS	THPT	Tổng số	Biên chế	Hợp đồng
Bắc Kạn	83	72	16	<b>95</b>	92	3
Hà Giang	177	102	22	<b>428</b>	424	4
Hòa Bình	196	197	37	<b>266</b>	242	24
Lai Châu	58	57	15	<b>214</b>	210	4
Lạng Sơn	200	178	25	<b>407</b>	403	4

Yên Bái	<b>99</b>	96	22	<b>96</b>	81	15
<b>Tổng</b>	<b>813</b>	<b>702</b>	<b>137</b>	<b>1.506</b>	<b>1.452</b>	<b>54</b>
<b>Tổng số TV của 3 cấp 1.652</b>				<b>Tổng số CB TV của 3 cấp 1.506</b>		

#### 2.2.2.2. Công tác phát triển văn hóa đọc trong thư viện trường học

Các thư viện trường học miền núi phía Bắc Việt Nam chủ yếu chỉ cho mượn sách vào đầu mỗi học kỳ và thu sách về vào cuối học kỳ. Hầu hết các thư viện trường học ở miền núi không có những hoạt động tuyên truyền, giới thiệu sách, đào tạo bạn đọc sử dụng thư viện; ứng dụng CNTT trong hoạt động.

#### 2.2.3. Phát triển văn hóa đọc trong các tổ chức xã hội, gia đình và nhà trường

##### 2.2.3.1 Công tác phát triển văn hóa đọc trong các tổ chức xã hội

##### *Các đoàn thể với việc phát triển văn hóa đọc*

Trình bày vai trò, những hoạt động của các tổ chức xã hội như Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên, Hội Phụ nữ, Hội Nhà văn, Hội Báo chí, Hội Xuất bản..., ngành xuất bản sách, báo chí và truyền thông trong phát triển văn hóa đọc.

#### 2.2.4. Vai trò của Nhà nước trong phát triển văn hóa đọc

Nhà nước đóng vai trò to lớn và toàn diện trong phát triển văn hóa đọc trên bình diện cả nước lẫn ở khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam. Ở phần này, tác giả chỉ đề cập đến 1 số khía cạnh mà nhà nước tác động vào phát triển văn hóa đọc như ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về thư viện (chủ yếu là Pháp lệnh Thư viện và các Thông tư hướng dẫn) về xuất bản, phát hành sách; Các chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa trong lĩnh vực thư viện: Chương trình hỗ trợ sách cho 400 thư viện huyện vùng sâu, vùng xa, vùng kinh tế khó khăn; Chương trình tạo lập kho luân chuyển ở các thư viện cấp tỉnh; Chương trình hỗ trợ xây dựng nhà thư viện cấp huyện; Chương trình hỗ trợ bảo quản tài liệu quý hiếm; Chương trình tin học hóa thư viện cấp tỉnh...

### **2.3. Đánh giá thực trạng văn hóa đọc và công tác phát triển văn hóa đọc ở các tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam**

#### 2.3.1. Đánh giá theo các tiêu chí văn hóa đọc và phát triển văn hóa đọc

*Đánh giá theo các tiêu chí văn hóa đọc:* Về khả năng định hướng đọc của người dân: Bước đầu người dân đã biết lựa chọn những sách báo tốt, phù hợp với nhu cầu hoạt động, nghiên cứu, lao động sản xuất và giải trí; Về kỹ năng đọc: Đã biết sử dụng các công cụ, phương tiện tìm kiếm thông tin trong TV, trên mạng Internet; Về ứng xử với tài liệu: Phần lớn dân cư miền núi phía Bắc Việt Nam đã yêu quý, tôn trọng sách báo, tài liệu trong thư viện.

### *Đánh giá theo các tiêu chí phát triển văn hóa đọc*

Tác giả luận án đã đưa ra những nhận xét về thực trạng văn hóa đọc và công tác phát triển văn hóa đọc ở các tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam theo các tiêu chí đã nêu ở chương 1: Tiêu chí 1: Khả năng tiếp cận thư viện của người dân; Tiêu chí 2: Mức độ đáp ứng của vốn tài liệu với yêu cầu của người dân; Tiêu chí 3: Bàn đọc và Lướt bàn đọc; Tiêu chí 4: Lướt sử dụng thư viện; Tiêu chí 5: Các sản phẩm, dịch vụ của tài liệu; Tiêu chí 6: Vai trò của chính quyền địa phương và các ngành liên quan đối với hoạt động thư viện; Tiêu chí 7. Tiện nghi và văn hóa phục vụ bàn đọc của thư viện. Về mỗi tiêu chí đều dẫn ra những cứ liệu trong luận án chứng minh cho các nhận xét đó.

#### *2.3.2. Đánh giá chung*

*Điểm mạnh:* Văn hóa đọc của người dân miền núi bước đầu được hình thành

Nhu cầu đọc thực sự của người dân rất lớn và đa dạng. Đa số người dân đều thấy rõ được lợi ích của việc đọc sách báo.

*Môi trường đọc được cải thiện:* Các tỉnh vùng núi phía Bắc đã hình thành môi trường đọc khá thuận lợi cho người dân ở mọi trình độ, mọi lứa tuổi. Mạng lưới thư viện được hình thành từ cấp tỉnh đến cơ sở, với các loại hình thư viện đa dạng: thư viện công cộng (bao gồm 14 thư viện cấp tỉnh, 133 thư viện cấp huyện, gần 300 thư viện/phòng đọc sách xã và gần 600 tủ sách thôn, làng, bản)... và khoảng hơn 3000 thư viện trường học (bao gồm thư viện trường phổ thông các cấp); hàng chục thư viện đồn biên phòng, hàng trăm tủ sách pháp luật, điểm Bưu điện – Văn hóa; một hai chục thư viện tư nhân phục vụ cộng đồng. Các thư viện công cộng đã được trang bị những trang thiết bị hiện đại để phục vụ người dân...

*Mạng lưới thư viện đã có những đóng góp tích cực cho phát triển văn hoá đọc trong cộng đồng dân cư* với hàng triệu lượt người sử dụng sản phẩm và dịch vụ của các thư viện hàng năm.

#### *2.3.4. Điểm yếu*

*Đọc sách chưa trở thành hoạt động thường xuyên của đa số cư dân, đặc biệt vùng nông thôn hẻo lánh*

Đọc sách có vị trí thấp trong các hoạt động vào thời gian rỗi của người dân miền núi phía Bắc Việt Nam. Họ quá bận rộn với cuộc sống mưu sinh nên không có thời gian nhiều để đọc sách..

*Kỹ năng đọc của đại đa số người dân miền núi phía Bắc chưa cao*

Nhiều kỹ năng như ghi chép những gì đã đọc, biết vận dụng những gì đã đọc vào cuộc sống, học tập... chưa được hình thành ở phần lớn bàn đọc của thư viện. *Môi trường đọc chưa thuận lợi*

Ngoài các thư viện công cộng và thư viện trường học, các tổ chức xã hội chưa thực sự quan tâm đến phát triển văn hoá đọc trong cộng đồng.

*Hoạt động của thư viện chưa thực sự đa dạng, chưa hỗ trợ tích cực cho phát triển văn hoá đọc*

Công tác tuyên truyền hướng dẫn đọc chưa được thực hiện thường xuyên liên tục và có định hướng. Vai trò định hướng việc đọc sách cho bạn đọc của các thư viện chưa được chú trọng...

### 2.3.5. Nguyên nhân

*Điều kiện sống của cư dân miền núi còn nhiều khó khăn*

Đồng bào dân tộc vì quá bận rộn với cuộc sống mưu sinh nên họ không có thời gian để đọc sách. Phần lớn người dân, kể cả trẻ em ở vùng sâu, vùng xa không biết hoặc biết rất kém tiếng Kinh (còn một bộ phận lớn DTTS mù chữ và tái mù chữ). Như kết quả khảo sát ở trên cho thấy có 70,7% người dân lúc rảnh rỗi phải giúp.

*Chưa có sự quan tâm chỉ đạo sát sao của các cấp quản lý*

Đối với các tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam để phát triển văn hoá đọc nói riêng và đời sống tinh thần nói chung cần phải có sự quan tâm đầu tư các nguồn lực vật chất và nhân lực, đồng thời phối hợp các nguồn lực một cách có hiệu quả.

Nhận thức về vai trò của văn hoá đọc đối với sự phát triển kinh tế, xã hội, đặc biệt là đời sống tinh thần của cư dân miền núi chưa cao. Chính vì vậy chưa có những chính sách khuyến khích các tổ chức xã hội, gia đình và nhà trường tham gia tích cực vào việc phát triển văn hoá đọc cho các tầng lớp nhân dân. Môi trường đọc cho cộng đồng vì vậy chưa thực sự thuận lợi.

### **Tiểu kết**

Văn hóa đọc đang hình thành và phát triển nhưng chưa thực sự có vai trò quan trọng trong đời sống của người dân miền núi phía Bắc Việt Nam và còn ở mức độ chưa cao. Trước tác động của tiến trình đổi mới đất nước, người dân đã bắt đầu quan tâm đến việc đọc và đã dành thời gian rảnh nhất định cho việc đọc sách. Tuy nhiên mục đích đọc của họ chủ yếu là nâng cao sự hiểu biết, giúp cho việc học tập, hầu như chưa thực sự vì mục tiêu cải thiện sản xuất. Kỹ năng đọc của người dân chưa cao ảnh hưởng đến chất lượng ứng dụng tri thức đã đọc vào thực tiễn, mặc dù họ có ý thức vận dụng những điều đã đọc trong các hoạt động thực tiễn. Đa số người dân đã có ý thức trân trọng sách nhưng hiểu biết của họ về vai trò của sách cũng như bản quyền tác giả còn hạn chế. Vẫn còn sự chênh lệch khá lớn trong văn hóa đọc của người dân thành thị và nông thôn, của người Kinh và người các dân tộc thiểu số, giữa các lứa tuổi.

### Chương 3

## GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN VĂN HÓA ĐỌC Ở CÁC TỈNH MIỀN NÚI PHÍA BẮC VIỆT NAM

### 3.1. Phát triển và hoàn thiện tổ chức mạng lưới thư viện

#### 3.1.1. Phát triển mạng lưới thư viện công cộng

Cần tiếp tục thành lập thư viện cấp huyện ở khoảng 10 đơn vị chưa có; đề xuất mô hình thư viện ở cơ sở phù hợp với điều kiện của từng địa phương. Các cấp chính quyền cần khuyến khích, chỉ đạo, hỗ trợ để thành lập thêm nhiều thư viện tư nhân phục vụ cộng đồng.

Đồng thời các thư viện cấp tỉnh, cấp huyện phải được tăng cường về vốn tài liệu, cơ sở vật chất, nhân sự, kinh phí.

#### 3.1.2. Phát triển mạng lưới thư viện trường học

Hiện nay, vẫn còn khá nhiều trường học ở miền núi phía Bắc chưa thành lập thư viện. Vì thế, ngành Giáo dục đào tạo cùng với chính quyền địa phương quan tâm phát triển các thư viện ở trường nào chưa có với những mô hình khác nhau.

Đồng thời các thư viện trường học phải được tăng cường về vốn tài liệu, cơ sở vật chất, nhân sự, kinh phí. Các tiêu chí về thư viện trường học ở miền núi phải đầu tư cao hơn hoặc bằng ở nông thôn, thành thị thì mới mong miền núi tiến kịp miền xuôi.

#### 3.1.3. Nâng cao năng lực chuyên môn cho người làm thư viện

Trong các loại thư viện ở miền núi vấn đề nhân sự cấp bách nhất là ở thư viện cấp huyện. Một điều dễ nhận thấy là các thư viện tỉnh và huyện ở miền núi rất thiếu nhân viên. Đặc biệt đối với thư viện cấp huyện. Với diện tích mỗi đơn vị hành chính ở đây đều lớn, dân cư sống rải rác trên những vùng đất đi lại khó khăn nên cần được tăng cường thêm nhân sự (từ 3 người trở lên/thư viện cấp huyện) mới tạo điều kiện cho thư viện huyện phục vụ tốt xã hội.

Ngoài tăng về số lượng, đội ngũ người làm thư viện công cộng cũng phải được tăng cường kiến thức, kỹ năng chuyên môn, tin học, tâm lý học, sư phạm học để phục vụ bạn đọc, kể cả bạn đọc dân tộc thiểu số ngày càng tốt hơn,

### 3.2. Nâng cao chất lượng hoạt động của mạng lưới thư viện

#### 3.2.1. Nâng cao chất lượng hoạt động của mạng lưới thư viện công cộng

Các thư viện công cộng luôn gắn hoạt động của mình với sự phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội ở địa phương, gắn với sự đi lên của từng cá nhân trong cộng đồng. Thư viện tỉnh, thư viện cấp huyện đẩy mạnh phục vụ lãnh đạo, quản lý, doanh nghiệp ở địa phương với các hình thức phù hợp; đẩy mạnh phục vụ trẻ em, học sinh (góc đọc; góc viết, góc mỹ thuật); tăng cường biên soạn sản phẩm TT-TV, tuyên truyền, giới thiệu sách ở trong và ngoài thư viện tỉnh, đào tạo người dùng tin, phân công phục vụ

ngoài thư viện... Đặc biệt, các thư viện công cộng phải có những hoạt động hướng dẫn kỹ năng đọc ở từng lứa tuổi khác nhau.

### *3.2.2. Nâng cao chất lượng hoạt động của mạng lưới thư viện trường học*

Về hoạt động của thư viện trường học, Bộ Giáo dục và Đào tạo hay các Sở Giáo dục và đào tạo nên quy định giờ giấc phục vụ cho thư viện. Các thư viện phải thường xuyên phục vụ đọc và mượn cho giáo viên và học sinh. Các thư viện trường học phải có những hoạt động để hình thành, phát triển thói quen đọc, kỹ năng đọc ở học sinh ngay từ khi các em mới đến trường: đọc to nghe chung, thảo luận, viết thu hoạch, sân khấu hóa những gì đã đọc... Tác giả luận án đề xuất Bộ Giáo dục đào tạo nên có quy định về “giờ thư viện” trong các trường phổ thông ở nước ta với những hoạt động cụ thể trong giờ này để phát triển văn hóa đọc trong học sinh.

### *3.2.3. Tăng cường phối hợp giữa thư viện với các tổ chức khác trong phát triển văn hóa đọc*

Để phát triển văn hóa đọc ở miền núi phía Bắc Việt Nam, các thư viện phải có những hoạt động phối hợp với trường học; gia đình, đặc biệt trong hình thành và phát triển nhu cầu, hứng thú, kỹ năng đọc ở trẻ.

## **3.3. Phát huy vai trò các tổ chức xã hội trong phát triển văn hóa đọc ở các tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam**

### *3.3.1. Nâng cao hiệu quả hoạt động xuất bản, in và phát hành sách*

Ngành xuất bản, in và phát hành sách các tỉnh, thành phố ở khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam cần nghiên cứu nhu cầu và phối hợp xây dựng một kế hoạch, đề nghị có sự hỗ trợ của Chính phủ để xuất bản những tài liệu bằng tiếng dân tộc thiểu số hoặc song ngữ, chủ yếu là ngôn ngữ Tày, ngôn ngữ Nùng và ngôn ngữ Thái..., tạo nên một môi trường đọc phong phú với nhiều ngôn ngữ tài liệu khác nhau, phù hợp với nhu cầu và khả năng đọc cho mọi người dân tộc thiểu số trong khu vực. Hoàn thiện và tạo mới các giải thưởng hàng năm về sách hay, sách đẹp; chú trọng bồi dưỡng, phát triển lực lượng sáng tác trẻ, trong đó cần ưu tiên người dân tộc thiểu số.

### *3.3.2. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về sách trên các phương tiện thông tin đại chúng*

Cần có một tờ báo in có chức năng chủ yếu là điểm sách, giới thiệu phê bình sách, đồng thời nhà nước cần có những biện pháp để phát triển hoạt động lý luận, phê bình sách để đồng đạo bạn đọc biết được những cuốn sách mới, sách hay cần mua, cần đọc, cần trao đổi.

### *3.3.3. Phối hợp hoạt động của các tổ chức xã hội trong phát triển văn hóa đọc*

Đề xuất nội dung, hình thức những hoạt động phối hợp giữa thư viện với các tổ chức xã hội như Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên, Hội Phụ nữ, Hội Nhà văn, Hội Báo chí, Hội Xuất bản trong tuyên truyền, giới thiệu những tác phẩm có nội dung tốt để phát triển văn hóa đọc....

### **3.4. Nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước trong phát triển văn hóa đọc ở các tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam**

Để góp phần duy trì và phát triển văn hóa đọc, Đảng ta đã thường xuyên quan tâm chỉ đạo, ban hành các chỉ thị, nghị quyết nhằm xây dựng các thiết chế văn hóa như hệ thống TVCC các nhà xuất bản, In, và phát hành các cơ sở phát hành sách để tạo ra một chu trình hoàn chỉnh có ý nghĩa quyết định đến sự phát triển của văn hóa đọc ở nước ta cũng như vùng đồng bào các dân tộc thiểu số.

#### *3.4.1. Hoàn thiện cơ sở pháp lý cho phát triển văn hóa đọc vùng núi phía Bắc Việt Nam*

Luận án đề xuất hoàn thiện một số quy định trong Pháp lệnh thư viện và Thông tư liên Bộ số 97-TLLB/VHTTTDL-TC/TTLT ngày 15/6/1990 của Bộ Văn hóa, Thông tin-Thể thao và Du lịch, Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ cấp phát, quản lý và chính sách đầu tư của Nhà nước đối với Thư viện công cộng để đẩy mạnh hoạt động phục vụ xã hội. Mặt khác, luận án cũng đề xuất những hướng hoàn thiện các quy định của Luật xuất bản năm 2012

#### *3.4.2. Cụ thể hơn chính sách đầu tư của Nhà nước cho văn hóa đọc*

Nhà nước cần xây dựng và ban hành các chính sách về ưu tiên cấp đất; đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của trường, TV trường học, TVCC; Chính sách đầu tư ngân sách, đảm bảo cho thư viện trường học, TVCC... tổ chức các hoạt động thường xuyên. Chính sách ưu tiên hợp lý việc đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin Chính sách hỗ trợ tổ chức các thư viện, tủ sách cơ sở. Chính sách đầu tư cho hoạt động lưu động của thư viện chính sách cho viên chức thư viện: Thu hút viên chức về làm việc tại các địa bàn vùng khó khăn, vùng xa, vùng cao, biên giới...

#### *3.4.3. Duy trì, mở rộng các đề án, dự án phát triển văn hóa đọc của các tổ chức quốc tế*

Cố gắng duy trì Dự án tặng sách của Quỹ Châu Á; Hoàn thành và duy trì Dự án Quỹ Melinda & Bill Gates; Thuyết phục các đối tác nước ngoài như Tổ chức Room to Read; Tập đoàn Samsung kéo dài, mở rộng các dự án xây dựng “Thư viện thân thiện”, “Thư viện thông minh”... Tìm kiếm các dự án khác của các tổ chức quốc tế, các tổ chức, cá nhân nước ngoài cho phát triển văn hóa đọc.

#### *3.4.4. Duy trì và tạo mới các đề án, chương trình mục tiêu quốc gia phát triển văn hóa đọc*

Duy trì lâu dài chương trình mục tiêu hiện có: Chương trình hỗ trợ sách cho 400 thư viện huyện vùng sâu, vùng xa, vùng kinh tế khó khăn; Phục hồi lại các chương trình đã bị tạm ngừng: Chương trình tạo lập kho luân chuyển ở các thư viện cấp tỉnh; Chương trình hỗ trợ xây dựng nhà thư viện cấp huyện; Chương trình hỗ trợ bảo quản tài liệu quý hiếm; Chương trình tin học hóa thư viện cấp tỉnh. Tạo thêm các chương trình mới: Chương trình tạo lập Bộ sưu tập tài liệu số mở cả cho TV trường học, lẫn



TVCC; Tin học hóa thư viện công cộng cấp huyện, cấp cơ sở; TV trường học; Chương trình tạo lập kho luân chuyển ở các thư viện cấp huyện...

#### *3.4.5. Tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ mới vào phát triển văn hóa đọc cho người dân*

Trước hết là ứng dụng công nghệ thông tin đối với thư viện tỉnh, thư viện cấp huyện đã ứng dụng CNTT: củng cố và xây dựng cơ sở hạ tầng, thiết lập mạng LAN và bổ sung thêm máy tính và các thiết bị tin học cần thiết khác; Tăng cường nguồn lực thông tin số...

Đề xuất những đầu tư ban đầu cho các thư viện cấp huyện, thư viện cơ sở, TV trường học còn chưa ứng dụng CNTT: máy tính; phần mềm; máy in, máy đọc mã vạch, máy nẹp và khử từ.v.v. Các thư viện này phải được nối mạng Internet. Trang bị miễn phí hay hỗ trợ máy tính, Ipad (với giá khoảng 100 USD) cho học sinh miền núi phía Bắc như nhiều nước đã thực hiện.

#### *3.4.6. Tăng cường công tác quản lý Báo chí*

Cơ quan chỉ đạo và quản lý báo chí cần có quy hoạch hợp lý nhằm nâng cao chất lượng thông tin, giảm bớt những báo, tạp chí có nội dung nghèo nàn, giảm bớt sự chông chéo trong việc đưa tin, chấn chỉnh kịp thời tình trạng “thương mại hóa” báo chí... Cần kiểm soát được các dịch vụ Internet để trả lại môi trường trong sạch, lành mạnh trong hoạt động kinh doanh dịch vụ Internet ở nước ta hiện nay. Đồng thời xây dựng một quy chế hoạt động các dịch vụ Internet; có chế tài xử phạt các đối tượng truy cập các trang web có nội dung không lành mạnh...

#### *3.4.7. Tiếp tục đẩy mạnh công tác xóa mù chữ và chống tái mù chữ*

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước luôn quan tâm đến lĩnh vực giáo dục và đào tạo; đã có nhiều nghị quyết, quyết định, chỉ thị quan trọng chỉ đạo các ngành, các cấp triển khai các nhiệm vụ cụ thể nhằm thực hiện chủ trương giáo dục là quốc sách hàng đầu. Quyết định số 692/2013/QĐ-TTg ngày 04/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt đề án “Xóa mù chữ đến năm 2020”.

### **Tiểu kết**

Phát triển văn hóa đọc là yêu cầu của Đảng, Nhà nước và các Ban, Bộ, ngành liên quan đồng thời là đòi hỏi chính đáng của người dân ở các tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam để nâng cao hiểu biết về mọi mặt của người dân, phát triển kinh tế, khoa học văn hóa, xã hội của từng địa phương. Tuy vậy, muốn phát triển văn hóa đọc, ở vùng này cần rất nhiều những giải pháp. Trước hết cần làm bằng nhiều cách để hình thành và phát triển hứng thú và nhu cầu đọc ở một số nhóm dân cư như phụ nữ, trẻ em, người tàn tật và ngay cả những nhà lãnh đạo, quản lý ở địa phương. Các thiết chế phục vụ cho phát triển đọc, đặc biệt là thư viện công cộng cấp huyện, phòng đọc sách cơ sở, thư viện trường học cần phải được thành lập thêm để tạo điều kiện dễ dàng cho người dân đến thư viện.

## KẾT LUẬN

Văn hóa đọc là một bộ phận của văn hóa, có vai trò quan trọng trong việc hình thành nên tâm hồn, nhân cách, đạo đức, lối sống, khả năng thích nghi, cạnh tranh của con người; góp phần bồi dưỡng, phát triển trí tuệ, kỹ năng sống của con người nói chung và người dân miền núi nói riêng. Đầu tư cho văn hóa đọc là đầu tư cho con người, đầu tư cho phát triển bền vững. Do vậy, để phát triển văn hóa đọc cho đồng bào dân tộc miền núi một cách bền vững cần phải có sự cộng đồng trách nhiệm của toàn xã hội; trong đó trách nhiệm của cá nhân, gia đình và nhà trường giữ vai trò nòng cốt trong việc tạo ra và duy trì thói quen đọc của từng người; Nhà nước có trách nhiệm bảo đảm nguồn lực, đồng thời huy động sự đóng góp của toàn xã hội và tranh thủ sự hỗ trợ giúp đỡ của quốc tế trong việc xây dựng môi trường đọc, tạo điều kiện cho mọi tầng lớp nhân dân dễ dàng tiếp cận được với thông tin - tri thức ở mọi nơi, mọi lúc. Phát triển văn hóa đọc là một bộ phận của phát triển văn hóa, là một giải pháp quan trọng không thể thiếu để xây dựng thành công một xã hội học tập hướng tới mục tiêu phát triển bền vững nguồn nhân lực của các tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam, góp phần vào sự thành công của công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước./.

**DANH MỤC  
CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ  
BÀI ĐĂNG TẠP CHÍ CHUYÊN NGÀNH**

1. Năm (2010), Xã hội hóa để góp phần đưa thông tin tri thức về cơ sở, *Tạp chí Thư viện Việt Nam*; (Số 4-24/2010); tr 65.
2. Năm (2010), Đọc sách một nhu cầu thiết yếu, *Tạp chí Văn hóa nghệ thuật*, (Số 313/2010); tr 86.
3. (2011), Nguồn nhân lực trong hoạt động thư viện thông tin, *Trường ĐHVH HN - Kỷ yếu hội thảo khoa học 50 năm đào tạo nguồn nhân lực thư viện thông tin*; tr 27.
4. Năm (2014), Các yếu tố tác động và những thành tố của văn hóa đọc, *Tạp chí Nghiên cứu Văn hóa*,(Số 09/2014); tr 41.
5. Năm (2015), Thêm một cách hiểu về văn hóa đọc, *Tạp chí Văn hóa nghệ thuật*, (Số 372/2015); tr 122.
6. Năm (2015), Đảng và Nhà nước luôn quan tâm đến đời sống văn hóa và phong trào đọc sách của nhân dân, *Tạp chí Tri thức thời đại - Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Xuất bản)*, (Số 37/2015); tr 10.
7. Năm (2015), Văn hóa đọc ở các tỉnh miền núi phía Bắc nước ta, *Tạp chí Văn hóa nghệ thuật*, (Số 374/2015); tr 125.
8. Năm (2015), Những giải pháp đẩy mạnh văn hóa đọc vùng dân tộc thiểu số và miền núi Việt Nam, *Tạp chí Văn hóa và nguồn lực*, (số 4/2015); tr 47.
9. Năm (2015), Điểm Bưu điện - Văn hóa xã góp phần thúc đẩy văn hóa đọc tại các tỉnh miền núi và vùng đồng bào dân tộc thiểu số, *Tạp chí Thư viện Việt Nam*, (Số 9/2015); tr 15.
10. Năm (2015), Văn hóa đọc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi nước ta; *Tạp chí Nghiên cứu Văn hóa*, (Số 13/2015); tr 83.
11. Năm (2016), Định hướng xuất bản sách góp phần thúc đẩy phát triển văn hóa đọc trong cộng đồng; *Tạp chí Tri thức thời đại - Bộ Thông tin và Truyền thông-Cục Xuất bản*; (Số 51/9/2016); tr 6.
12. Năm (2016), Đưa văn hóa đọc đến với tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam; *Tạp chí Xây dựng đời sống văn hóa cơ sở*; (Số 172/10/2016); tr 42.
13. Năm (2016), Vị trí, vai trò của thư viện nhà trường trong đổi mới giáo dục và đào tạo tại các trường ĐH, CĐ từng bước đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực phát triển bền vững đất nước và xây dựng môi trường văn hóa đọc trong tương lai; *Tạp chí Thư viện Việt Nam*, (Số 6/2016); tr 15.
14. Năm (2016), Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo sau đại học ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch//Công tác đào tạo sau đại học ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch.: H.-2016; 240tr; Giấy phép XB: QĐ-69/CXBIPH; khổ 21-17cm. 100 cuốn./.